CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP SJ Group

Ngày 31/03/2025	104,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.9%	**49.9%**	**53.6%**

DT thuần
Q1/25
143
tỷ VNĐ
QoQ: ▼135| -48.4%
YoY: ▲ 25.0| 21.5%

LN thuần
Q1/25
86.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼75.8| -46.8%
YoY: ▲ 26.2| 43.7%

LN sau thuế
Q1/25
67.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼55.6| -45.2%
YoY: ▲ 23.1| 52.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
60.1%
YoY: +/-▲ 1.7%

ROE (TTM)
Q1/25
9.9%
YoY: +/-▲ 0.7%

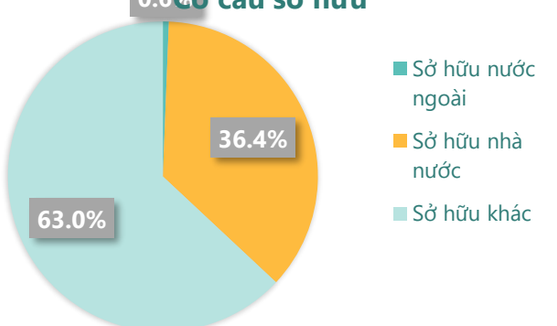
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	60,600 - 108,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,948
Số lượng CPLH (CP)	113,897,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)	656,575
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	
EPS	2,536
P/E	41.4

DT thuần
2024
646
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 230| 55.3%

LN thuần
2024
372
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 121| 48.0%

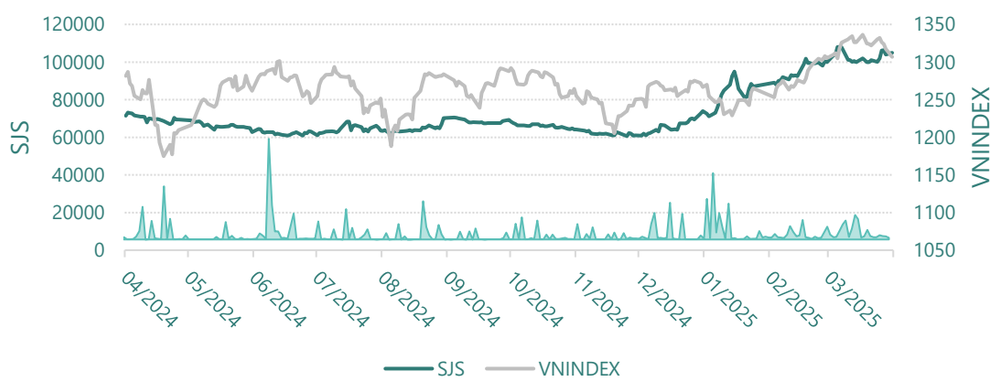
LN sau thuế
2024
269
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 85.0| 46.6%

Cơ cấu sở hữu

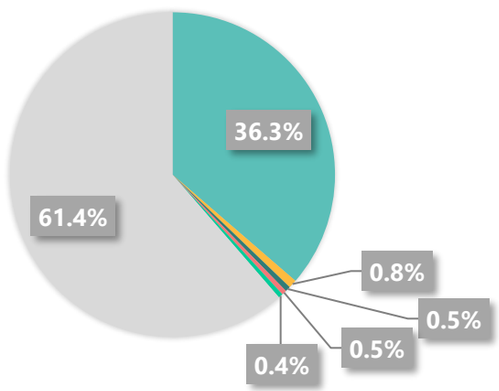


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



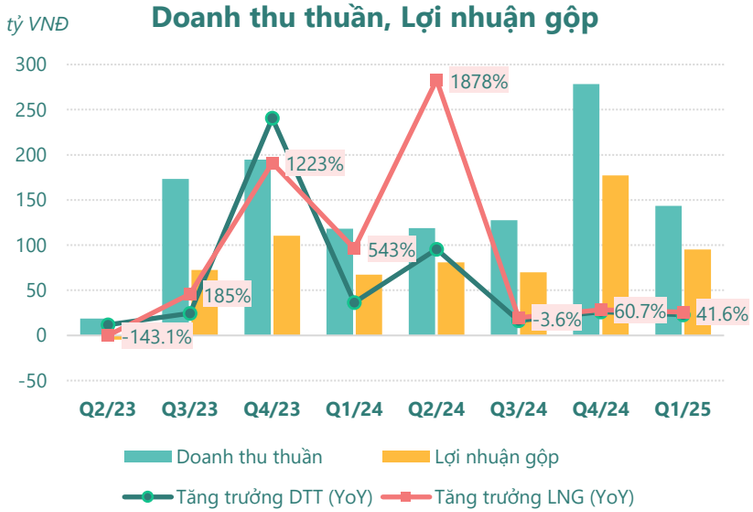
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

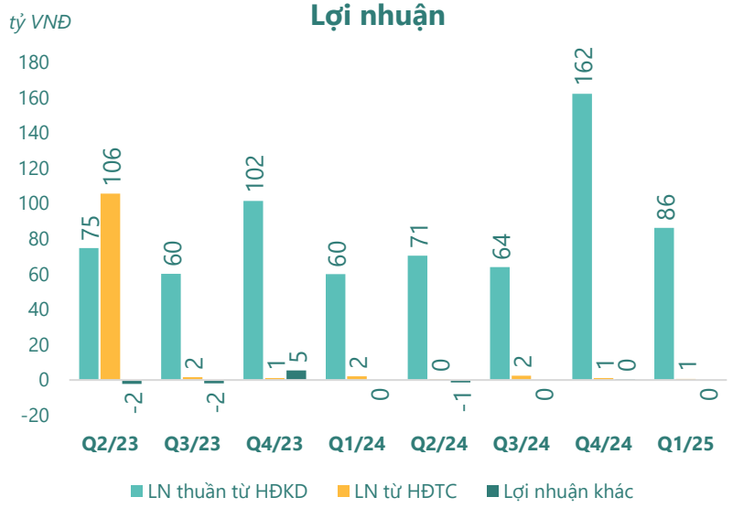
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



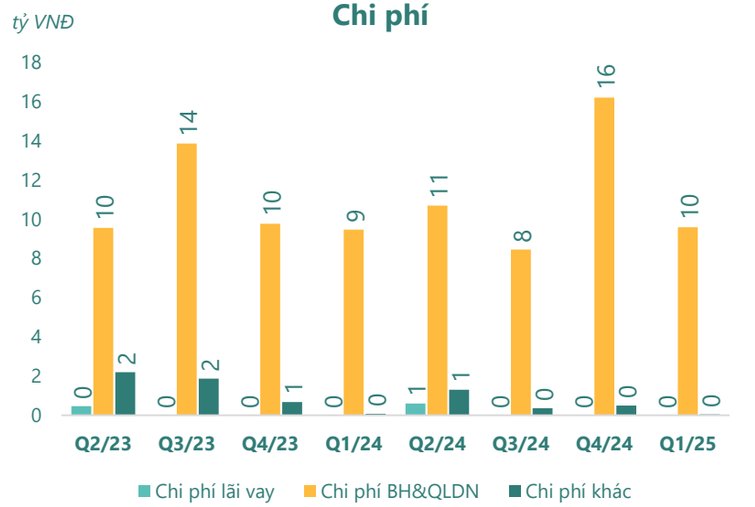
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



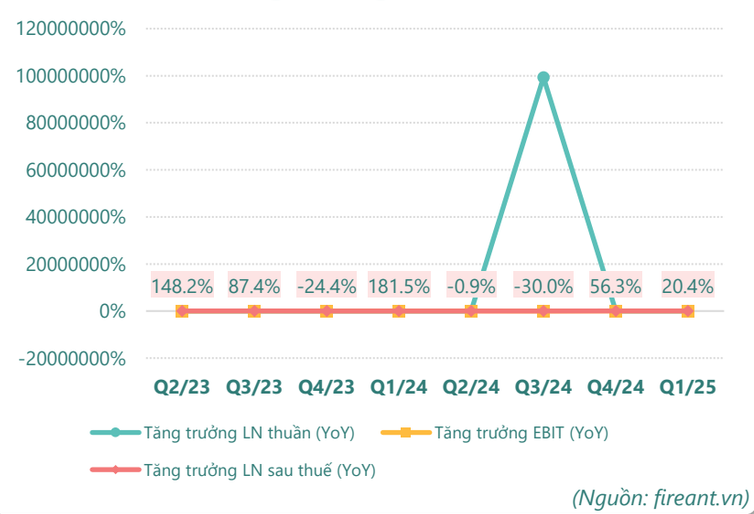
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



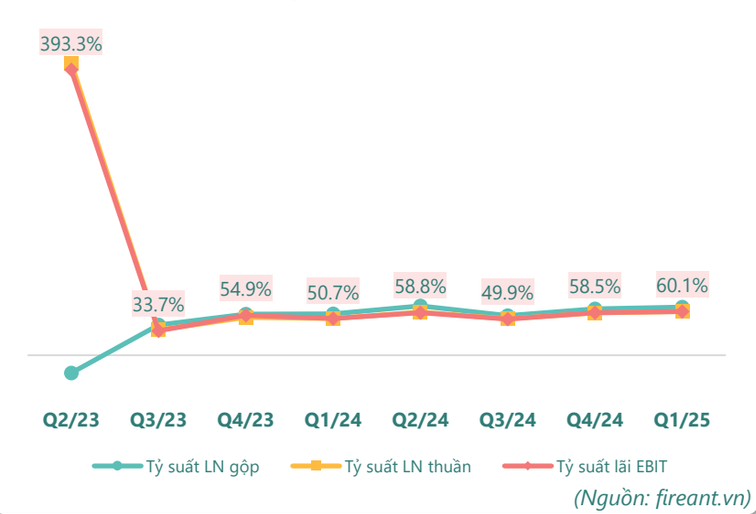
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



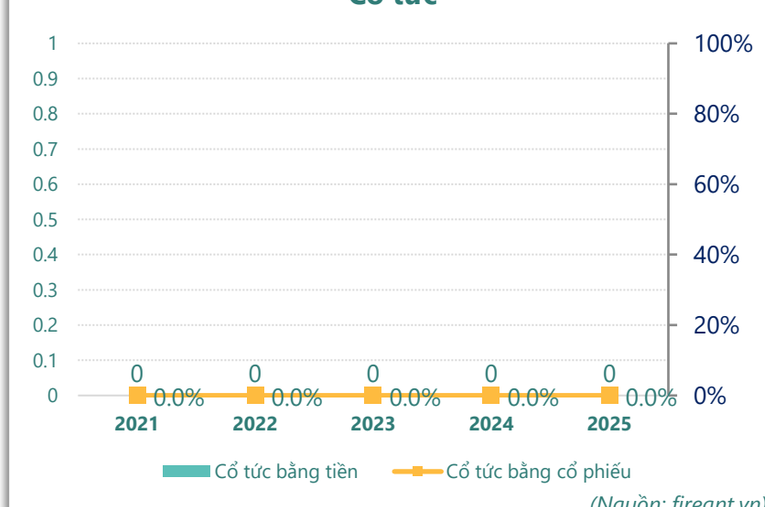
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

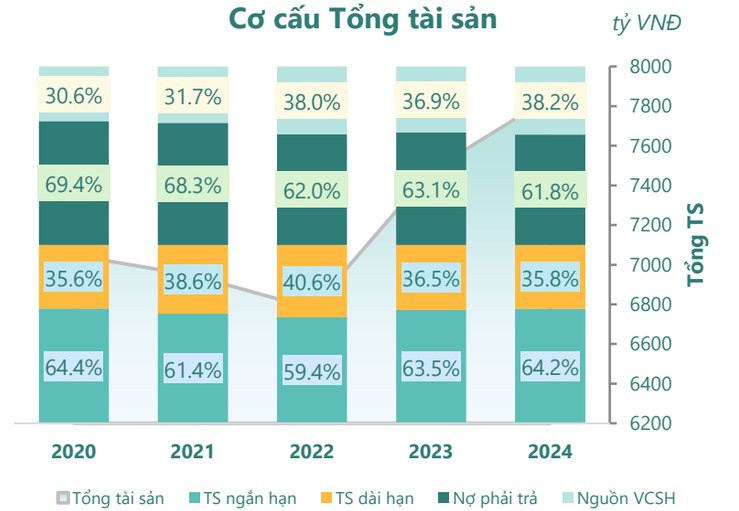
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

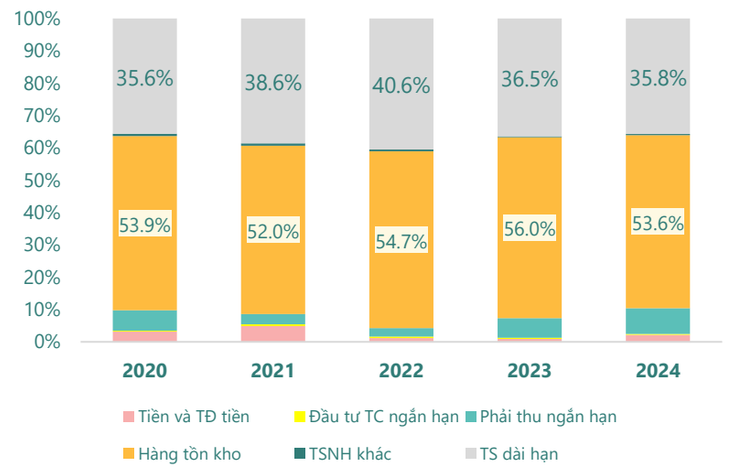
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



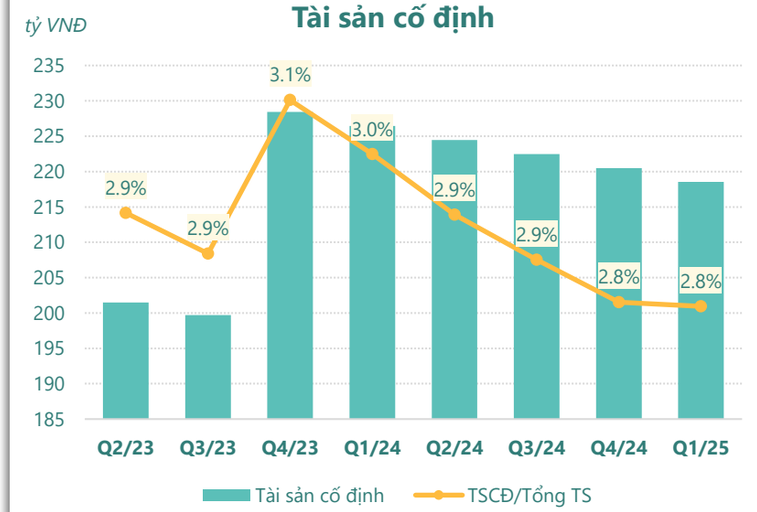
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



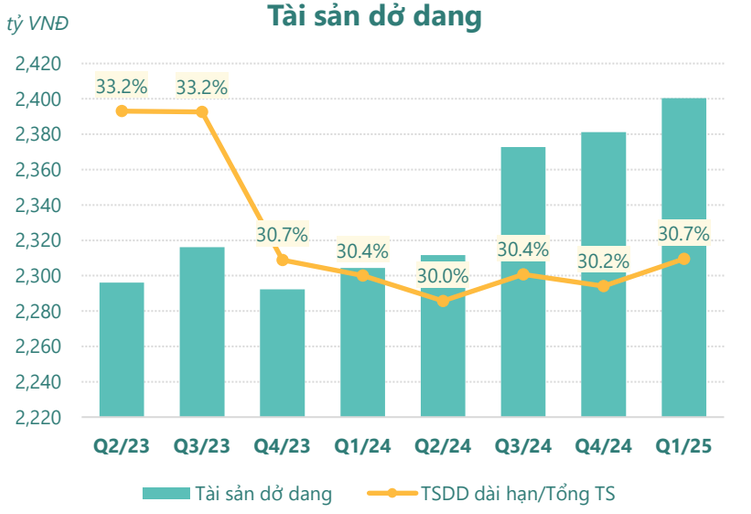
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



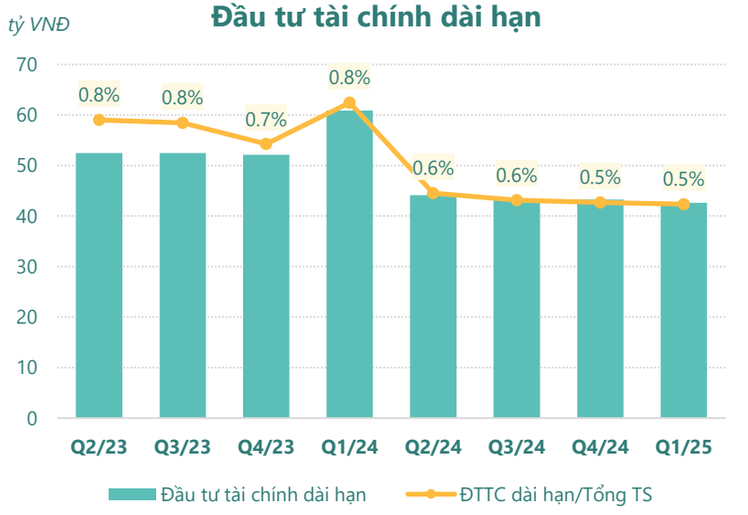
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



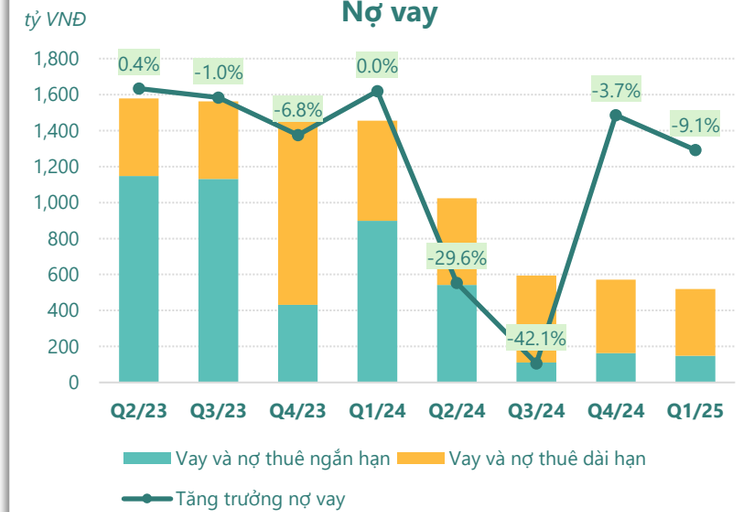
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

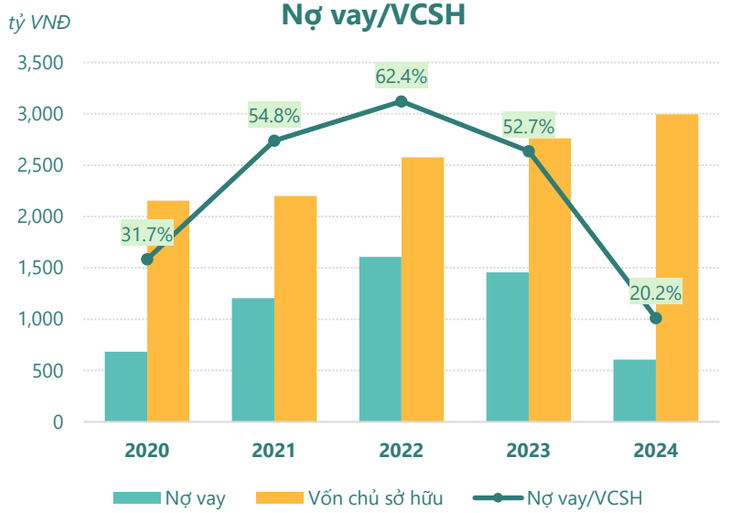
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

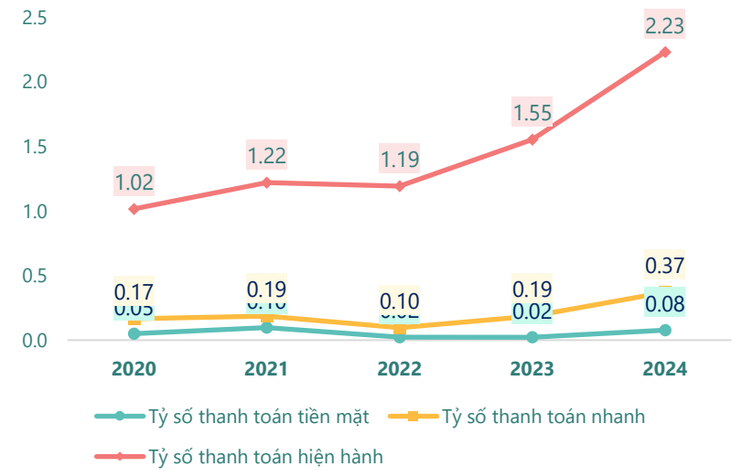
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



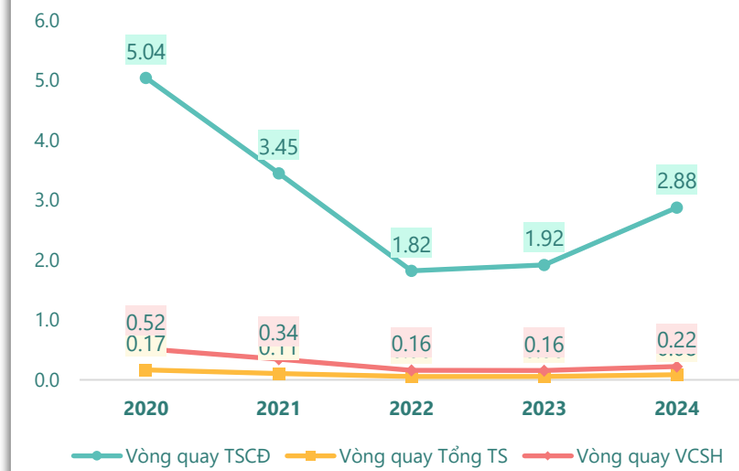
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



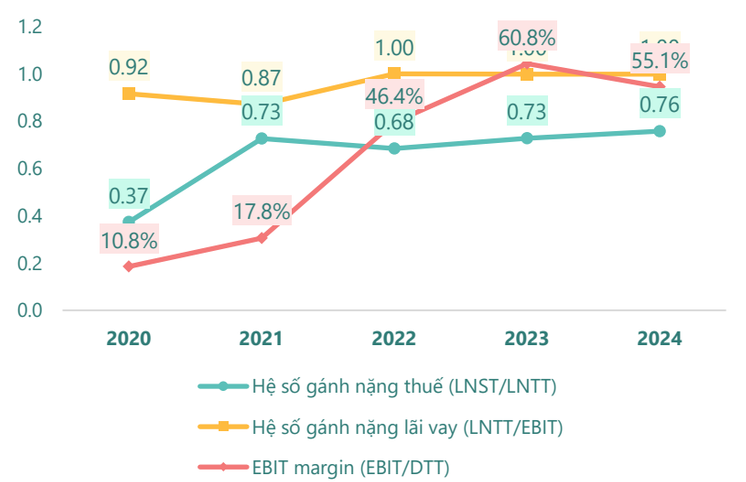
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



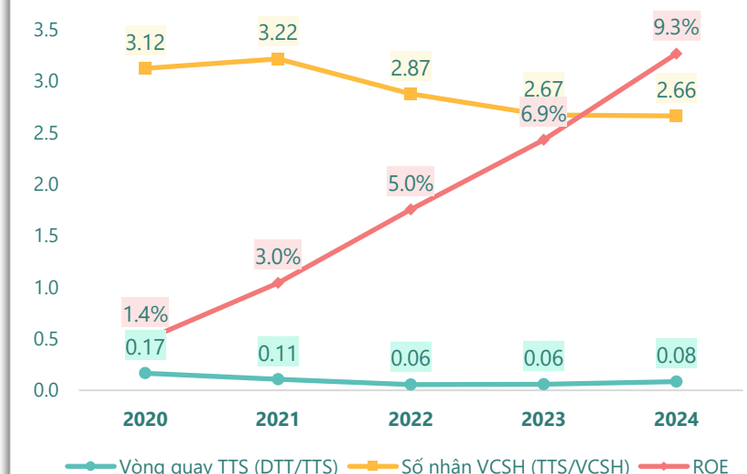
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



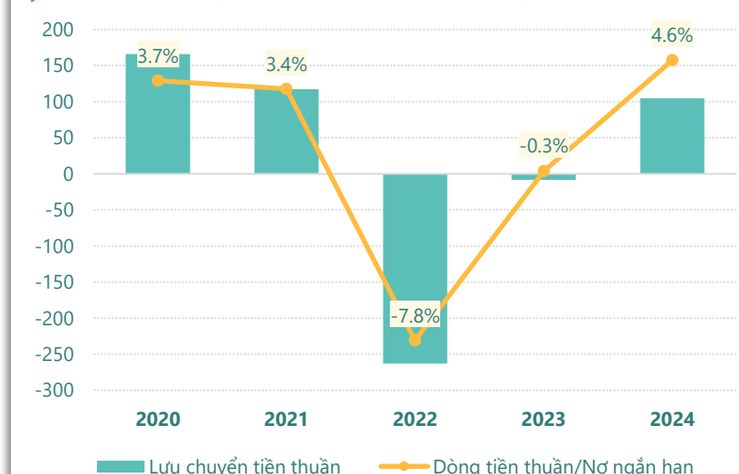
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**143**	**118**	**21.5%**	**646**	**416**	**55.3%**
Giá vốn hàng bán	48.1	51.0	-5.7%	209	229	-8.5%
Lợi nhuận gộp	95.3	67.3	41.6%	437	187	133%
Doanh thu HĐTC	0.30	0.54	-44.2%	5.08	114	-95.5%
Chi phí TC	-0.26	-1.64	84.3%	-0.45	0.00	-15685%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.60	0.47	26.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**-0.73**	**100%**
Chi phí bán hàng	0.56	0.55	1.6%	2.25	2.39	-5.8%
Chi phí QLDN	**9.03**	**8.92**	**1.2%**	**67.8**	**46.5**	**45.8%**
LN thuần từ HĐKD	86.2	60.0	43.7%	372	251	48.0%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**-0.08**	**33.2%**	**-16.6**	**1.14**	**-1559%**
LN trước thuế	86.2	59.9	43.9%	356	253	40.8%
Lợi nhuận sau thuế	**67.4**	**44.3**	**52.2%**	**269**	**184**	**46.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**67.2**	**44.1**	**52.5%**	**269**	**185**	**44.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-23.9	0	0	0	-23.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	3.01	0	0	0	-15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	-86.1
Tiền đầu kỳ	0	68.2	0	0	0	173
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**-20.9**	**0**	**0**	**0**	**-125**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	47.3	0	0	0	47.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,823**	**7,844**	**-0.3%**
Tài sản ngắn hạn	5,013	5,039	-0.5%
Tiền và tương đương tiền	47.8	173	-72.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.8	18.3	128%
Phải thu ngắn hạn	623	623	0.0%
Hàng tồn kho	4,279	4,202	1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	21.5	22.6	-4.6%
Tài sản dài hạn	**2,810**	**2,805**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	117	117	0.0%
Tài sản cố định	219	220	-0.9%
Bất động sản đầu tư	4.27	4.43	-3.6%
Tài sản dở dang	2,400	2,384	0.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	42.6	42.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**27.0**	**37.0**	**-27.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,764	4,850	-1.8%
Nợ ngắn hạn	**2,276**	**2,257**	**0.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	197	-24.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	100	113	-11.5%
Nợ dài hạn	2,489	2,593	-4.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	371	408	-9.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,059**	**2,994**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**3,059**	**2,994**	**2.2%**
Vốn điều lệ	1,149	1,149	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)